

UBND HUYỆN CÁT HẢI
TRƯỜNG TH&THCS VĂN PHONG

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 8
NĂM HỌC 2024 - 2025

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	TNKQ						Tự luận			Tổng			Tỉ lệ
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng							
1	Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX)	2									2		1	15%
		Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884	1						1/2		1/2	1,5		1/2	12,5%
		Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 - 1896	2									2			5%
		Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917	1					1		1		1	2		17,5
Tổng số câu			6				1	1	1/2	1	1/2	6,5	2	1,5	10

Tổng số điểm	1,5				1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	2,0	1,5	1,5	5
Tỉ lệ	15%				10%	10%			15%	20%	15%	15%	50%

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	TNKQ						Tự luận			Tổng			Tỉ lệ
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng							
1	Phạm vi biên đông, vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam	1. Vị trí địa lí và phạm vi của Biên Đông 2. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông 3. Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam	2				1			1		2	2		20%
2	Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	1. Môi trường biển đảo Việt Nam 2. Tài nguyên biển và thêm lục địa VN	3						1			4			12,5%
3	Văn minh châu thổ sông Hong và sông Cửu Long	1. Quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Hồng. Chế độ nước của sông Hồng.	1					1			1	1		2	17,5%

	2. Quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Cửu Long. Chế độ nước của sông Cửu Long. 3. Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước sông Hồng và sông Cửu Long.													
Tổng số câu		6				1	1	1	1	1	7	2	2	11
Tổng số điểm		1,5				1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	2,0	1,5	1,5	5
Tỉ lệ			15%			20%			15%		20%	15%	15%	50%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8
NĂM HỌC 2024-2025

Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	TNKQ						Tự luận		
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Biết	Hiểu	Vận dụng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
Phân môn Lịch sử											
Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX)	Biết: - Nêu được sự ra đời của nhà Nguyễn và củng cố quyền thống trị Vận dụng: - Nhận xét được quá trình xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa	2					1			
	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884	Biết: - Nắm được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ 1858-1884. Vận dụng: - Rút ra bài học kinh nghiệm từ sự đầu hàng thực dân Pháp của nhà Nguyễn.	1						1/2		1/2
	Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 - 1896	Biết: - Nắm được các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương. - Nắm được nội dung của chiếu Cần Vương	2								
	Phong trào yêu nước	Biết:	1					1		1	

	<p>chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917</p>	<p>- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp đối với xã hội Việt Nam.</p> <p>Hiểu:</p> <p>- Phân tích được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với Việt Nam.</p> <p>- So sánh, giải thích được con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành với các nhà yêu nước trước.</p>									
Tổng số câu			6				1	1	1/2	1	1/2
Tổng số điểm			1,5				1,0	1,0	0,5	0,5	0,5
Tỉ lệ			15%				10%	10%	5%	5%	5%
Phân môn Địa lí											
<p>Phạm vi biên đông, vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam</p>	<p>1. Vị trí địa lí và phạm vi của Biển Đông</p> <p>2. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông</p> <p>3. Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam</p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo VN.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Trình bày được khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).</p> <p>- Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.</p>	2				1			1	

Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	1. Môi trường biển đảo Việt Nam 2. Tài nguyên biển và thềm lục địa VN	Nhận biết: - Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. - Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.	3						1		
Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	1. Quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Hồng. Chế độ nước của sông Hồng. 2. Quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Cửu Long. Chế độ nước của sông Cửu Long. 3. Quá trình con người khai khẩn và cải tạo	Nhận biết: - Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long. Thông hiểu: - Mô tả được chế độ nước của dòng sông chính. Vận dụng: - Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước sông Hồng và sông Cửu Long.	1					1			1

	châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước sông Hồng và sông Cửu Long.									
	Số câu	6				1	1	1	1	1
	Số điểm	1,5				1,0	1,0	1,0	0,5	1,0
	Tỉ lệ điểm	15%				10%	10%	10%	5%	10%
	Tổng hợp chung	12				2	2	1,5	2	1,5
		30%				20%	20%	10%	10%	10%

c. Những biện pháp thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn là chứng cứ lịch sử duy nhất cho thấy: Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

d. Các hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn đã góp phần tạo cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.

Câu 2. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với tình hình Việt Nam đầu thế kỉ XX.

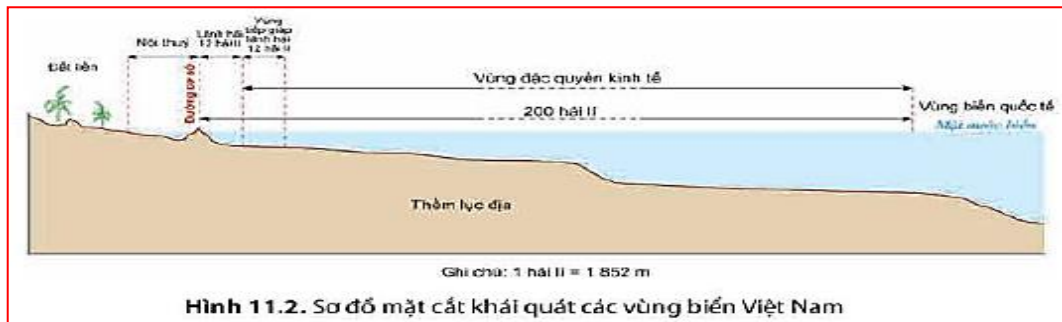
a. Quyền lực nằm trong tay địa chủ phong kiến.

b. Văn hoá phương Tây du nhập ngày càng mạnh.

c. Nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ, độc lập với nền kinh tế Pháp.

d. Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp và nơi khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Câu 3. Cho sơ đồ mặt cắt khái quát vùng biển Việt Nam. Trong các phát biểu sau đây đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai về phạm vi các vùng biển của Việt Nam?



(Nguồn: Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8- KNTT, trang 147)

a. Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

b. Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 20 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia chung trên biển của Việt Nam.

c. Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

d. Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 4. Trong các phát biểu sau đây đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai về quá trình khai khẩn, cải tạo, chế ngự và thích ứng sông Hồng?

Từ xa xưa, để khai thác nguồn nước giàu phù sa của hệ thống sông Hồng, người Việt đã sớm biết tạo nên hệ thống kênh (sông đào) dẫn nước vào ruộng, hoặc tiêu nước, phân lũ về mùa mưa; đồng thời cũng sớm phải tổ chức đắp đê trị thủy để phát triển sản xuất và bảo vệ cuộc sống...

Sang thế kỉ XV, nhà Lê bắt đầu tiến hành khai thác bãi bồi vùng cửa sông. Công việc này được đẩy mạnh vào thời Nguyễn ở các vùng ven biển Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, gắn liền với tên tuổi Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ.

(Nguồn: Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8- KNTT, trang 161,162)

a. Quá trình đào kênh dẫn nước vào ruộng đồng, đắp đê trị thủy ở sông Hồng là quá trình thích ứng dòng sông.

b. Quá trình chế ngự nước sông Hồng được bắt đầu tiến hành từ thời nhà Lý.

c. Quá trình khai thác bãi bồi, khai thác bãi bồi vùng cửa sông vùng châu thổ sông Hồng tiến hành từ thời nhà Lê được gọi là quá trình khai khẩn và cải tạo.

d. Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ có công trong việc khai hoang lấn biển lập ra hai huyện Tiền Hải- Thái Bình và Nho Quan- Ninh Bình.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm)

So sánh sự khác nhau về mục đích và hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành với các nhà yêu nước trước? Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước trước?

Câu 2. (1,0 điểm)

a. Em hãy liệt kê các Hiệp ước triều đình Huế đã kí với thực dân Pháp từ 1858-1884. (0,5 điểm)

b. Đánh giá, nhận xét việc triều đình Huế liên tiếp kí kết các bản hiệp ước với thực dân Pháp trong giai đoạn 1858 – 1884. (0,5 điểm)

Câu 3. (0,5 điểm)

Em hãy nêu đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam?

Câu 4. (0,5 điểm)

Em hãy giải thích tại sao không thể sử dụng Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982 mà chỉ lấy đó làm cơ sở pháp lí phân chia vùng biển của Việt Nam và Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ ?

Câu 5. (0,5 điểm)

Hiện nay việc khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long có cần thiết không? Vì sao?

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM(MÃ 01)

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	A	B	D	A	A	B	D	C	B	C

2. Câu hỏi trắc nghiệm Đúng – Sai. (4,0 điểm)

- Đúng 1 ý được 0,1 điểm.
- Đúng 2 ý được 0,25 điểm.
- Đúng 3 ý được 0,5 điểm.
- Đúng 4 ý được 1 điểm.

Câu 1.	Câu 2.	Câu 3.	Câu 4.
a-S, b-S, c-Đ, d-Đ	a-s, b-Đ, c-S, d-Đ	a-Đ, b-S, c-Đ, d-Đ	a-S, b-Đ, c-Đ, d-S

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm):

Câu 1. (0,5 điểm)

* Sự khác nhau về mục đích và hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành so với những người đi trước:

Nội dung	Nguyễn Tất Thành	Những người đi trước
Mục đích	- Tìm một con đường cứu nước mới đúng đắn cho dân tộc, trong đó chủ yếu phải là “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.	- Muốn dựa vào các thế lực bên ngoài để giành độc lập cho dân tộc.
Hướng đi	- Hướng sang phương Tây và nước đầu tiên Người chọn là Pháp	- Hướng sang phương Đông (Nhật, Trung Quốc)

* Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối vì:

- Nguyễn Tất Thành không tán thành con đường cứu nước của các vị tiền bối trước.

- Nguyễn Tất Thành tìm con đường đúng đắn đi sâu vào tìm hiểu chính kẻ thù của mình để tìm hiểu được bản chất của kẻ thù đang cai trị mình.

- Nguyễn Tất Thành muốn sang Phương Tây tìm hiểu xem nước Pháp và nước khác làm như thế nào rồi sẽ về giúp đồng bào mình.

Câu 2. (1,0 điểm)

a. Từ năm 1858-1884 triều đình Huế đã kí với thực dân Pháp 4 bản Hiệp ước:

- Hiệp ước Nhâm Tuất kí ngày 5/6/1862
- Hiệp ước Giáp Tuất kí ngày 15/3/1874.
- Hiệp ước Quý Mùi (Hác-măng) kí ngày 25/8/1883
- Hiệp ước Pa-tơ-nôt kí ngày 6/6/1884.

b. Nhận xét:

Việc triều đình Huế liên tiếp kí 4 bản Hiệp ước với thực dân Pháp trong giai đoạn 1858-1884:

- Cho thấy sự hèn hạ nhu nhược và đầu hàng hoàn toàn của triều đình Huế trước quân xâm lược Pháp.

- Các bản hiệp ước đã vi phạm nghiêm trọng về chủ quyền lãnh thổ của đất nước.

- Với việc kí kết các bản hiệp ước với triều đình Huế, thực dân Pháp đã chính thức áp đặt quyền bảo hộ ở nước ta. Việt Nam từ một quốc gia độc lập, có chủ quyền đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Lưu ý:

- HS có thể đưa ra phương án khác, nhưng cần đảm bảo tính chính xác. GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm.

Câu 3. (0,5 điểm)

Đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam:

- Môi trường biển là một thể thống nhất. Vì vậy, khi một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, vùng nước và các đảo xung quanh.

- Môi trường đảo do có sự biệt lập với đất liền, lại có diện tích nhỏ nên rất nhạy cảm trước tác động của con người, dễ bị suy thoái hơn so với đất liền.

Câu 4. (0,5 điểm)

Để phân chia ranh giới vùng biển của Việt Nam và Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ không thể sử dụng Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982 vì nếu cứ lấy mốc tính từ đường cơ sở kéo rộng ra 200 hải lí thì vùng biển Việt Nam và vùng biển Trung Quốc sẽ trùng lên nhau. Chính vì thế Việt Nam và Trung Quốc đã họp bàn đưa ra Hiệp định phân chia Vịnh Bắc Bộ vào năm 2020.

Câu 5. (0,5 điểm)

Việc khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long là rất cần thiết. Vì biến đổi khí hậu đã và đang có những tác động lớn đến thủy văn Việt Nam, khiến cho lưu lượng nước và chế độ nước sông có sự thay đổi. Con người cần có sự khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng hợp lí nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và sản xuất

MÃ 02

MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 8

Thời gian làm bài: 90' (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ lựa chọn một phương án.

Câu 1. Đề đặt cơ sở pháp lí cho nhà nước quân chủ, năm 1815, nhà Nguyễn ban hành bộ luật nào?

- A. Quốc triều hình luật. **B. Hoàng Việt luật lệ.**
C. Bộ luật Hình thư. **D. Bộ luật Hồng Đức.**

Câu 2. Chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Mở cửa giao thương, tiếp thu văn hoá của tất cả các nước trên thế giới.
B. Chủ trương đóng cửa, không giao lưu với bất cứ nước nào, kể cả các nước láng giềng.
C. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với nhà Thanh, nhưng lại khước từ quan hệ và giao thương với các nước Âu – Mỹ, kể cả Pháp
D. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với các nước Âu – Mỹ, nhất là với Pháp, nhưng lại khước từ quan hệ và giao thương với nhà Thanh

Câu 3. Ngày 1-9-1858 liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã mở cuộc tấn công

- A. Hà Nội. **B. Huế.**
C. Gia Định. **D. Đà Nẵng.**

Câu 4. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê là

- A. Đề Thám. **B. Phan Đình Phùng.**
C. Nguyễn Thiện Thuật. **D. Tôn Thất Thuyết.**

Câu 5. Nội dung chủ yếu của chiếu Cần vương là

- A. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.
B. Kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội.
C. Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên giúp vua cứu nước.
D. Kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến.

Câu 6. Tầng lớp nào chiếm đa số trong xã hội nước ta đầu thế kỉ XX?

- A. Tiểu tư sản **B. Nông dân .**
C. Học sinh, sinh viên. **D. Công nhân.**

Câu 7. Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam có diện tích?

- A. 1 triệu km². **B. 2 triệu km².**

C. 3 triệu km².

D. 4 triệu km².

Câu 8. Chế độ nhật triều đều điển hình ở vùng biển nào của nước ta?

A. Vịnh Lăng Cô.

B. Vịnh Thái Lan.

C. **Vịnh Bắc Bộ.**

D. Vịnh Cam Ranh.

Câu 9. Vấn đề nào **không** đúng với môi trường biển, đảo Việt Nam?

A. Chất lượng nước biển ven các đảo, cụm đảo tương đối tốt.

B. Chất lượng nước ven bờ còn khá tốt với hầu hết các chỉ số đặc trưng.

C. Chất lượng nước biển xa bờ đạt chuẩn cho phép, tương đối ổn định.

D. **Chất lượng nước ven bờ hay xa bờ đều đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.**

Câu 10. Vùng biển nước ta có trữ lượng thủy sản là ?

A. **3,87 triệu tấn.**

B. 5,15 triệu tấn.

C. 1,55 triệu tấn.

D. 7,38 triệu tấn.

Câu 11. Ở nước ta, khoáng sản dầu mỏ khí đốt phân bố ở thêm lục địa

A. Vịnh Bắc Bộ.

B. ven biển Miền Trung

C. Vịnh Thái Lan.

D. **phía đông nam.**

Câu 12. Đâu **không** phải là đặc điểm của châu thổ sông Hồng?

A. rộng khoảng 15 nghìn km².

B. Có hệ thống đê bao quanh phòng chống lũ lụt.

C. **Châu thổ được hình thành từ mài mòn bờ biển.**

D. Có dạng tam giác, đỉnh ở Việt Trì, đáy là đường bờ biển từ Quang Yên đến cửa sông Đáy.

2. Câu hỏi trắc nghiệm Đúng – Sai (4,0 điểm).

Học sinh trả lời câu 1 đến câu 4 trong mỗi ý a), b), c), đ) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc tư liệu sau đây, cho biết nhận định nào đúng, nhận định nào sai?

“Bộ Công tâu: Cương giới mặt biển nước ta có xứ [đảo] Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Hằng năm nên phái người đi dò xét để thuộc đường biển ... Vua y lời tâu. Sai Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo mười bài gỗ đến nơi đó dựng làm dấu, ghi khắc những chữ: “Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân [1836], Thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ”.

(Nguồn: *Quốc sử quán Triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập bốn, NXB Giáo dục, 2004, tr. 851, 867*)

a. Tư liệu trên phản ánh về quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa dưới thời các chúa Nguyễn.

b. Hoạt động xác lập và thực thi chủ quyền của nhân dân Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần đầu tiên được tiến hành dưới thời vua Minh Mạng.

c. Những biện pháp thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn là chứng cứ lịch sử duy nhất cho thấy: Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần

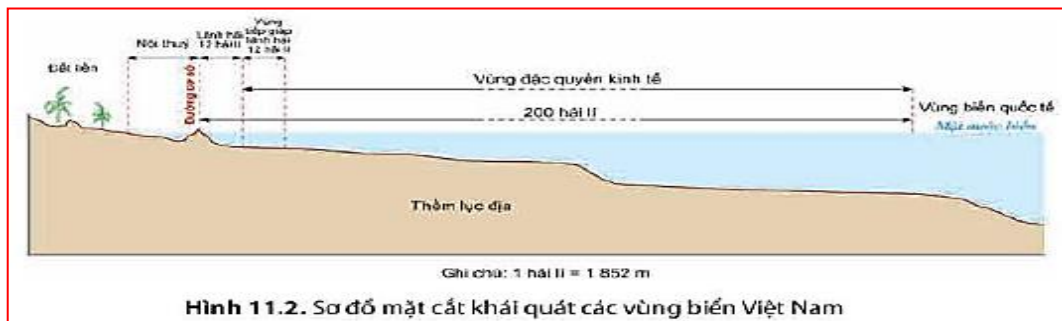
đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

d. Các hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn đã góp phần tạo cơ sở lịch sử vững chắc cho hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.

Câu 2. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với tình hình Việt Nam đầu thế kỉ XX.

- a. Quyền lực nằm trong tay địa chủ phong kiến.
- b. Văn hoá phương Tây du nhập ngày càng mạnh.
- c. Nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ, độc lập với nền kinh tế Pháp.
- d. Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp và nơi khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Câu 3. Cho sơ đồ mặt cắt khái quát vùng biển Việt Nam. Trong các phát biểu sau đây đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai về phạm vi các vùng biển của Việt Nam?



(Nguồn: Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8- KNTT, trang 147)

- a. Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.
- b. Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 20 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia chung trên biển của Việt Nam.
- c. Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- d. Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 4. Trong các phát biểu sau đây đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai về quá trình khai khẩn, cải tạo, chế ngự và thích ứng sông Hồng?

Từ xa xưa, để khai thác nguồn nước giàu phù sa của hệ thống sông Hồng, người Việt đã sớm biết tạo nên hệ thống kênh (sông đào) dẫn nước vào ruộng, hoặc tiêu nước, phân lũ về mùa mưa; đồng thời cũng sớm phải tổ chức đắp đê trị thủy để phát triển sản xuất và bảo vệ cuộc sống...

Sang thế kỉ XV, nhà Lê bắt đầu tiến hành quai đê lấn biển khai thác bãi bồi vùng cửa sông. Công việc này được đẩy mạnh vào thời Nguyễn ở các vùng ven biển Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, gắn liền với tên tuổi Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ.

(Nguồn: Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8- KNTT, trang 161,162)

a. Quá trình đào kênh dẫn nước vào ruộng đồng, đắp đê trị thủy ở sông Hồng là quá trình thích ứng dòng sông.

b. Quá trình chế ngự nước sông Hồng được bắt đầu tiến hành từ thời nhà Lý.

c. Quá trình khai hoang lấn biển, khai thác bãi bồi vùng cửa sông vùng châu thổ sông Hồng tiến hành từ thời nhà Lê được gọi là quá trình khai khẩn và cải tạo.

d. Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ có công trong việc khai hoang lấn biển lập ra hai huyện Tiên Hải- Thái Bình và Nho Quan- Ninh Bình.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm)

So sánh sự khác nhau về mục đích và hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành với các nhà yêu nước trước? Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước trước?

Câu 2. (1,0 điểm)

a. Em hãy liệt kê các Hiệp ước triều đình Huế đã kí với thực dân Pháp từ 1858-1884. (0,5 điểm)

b. Đánh giá, nhận xét việc triều đình Huế liên tiếp kí kết các bản hiệp ước với thực dân Pháp trong giai đoạn 1858 – 1884. (0,5 điểm)

Câu 3. (0,5 điểm)

Em hãy nêu đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam?

Câu 4. (0,5 điểm)

Em hãy giải thích tại sao không thể sử dụng Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982 mà chỉ lấy đó làm cơ sở pháp lí phân chia vùng biển của Việt Nam và Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ ?

Câu 5. (0,5 điểm)

Hiện nay việc khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long có cần thiết không? Vì sao?

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM (MÃ 02)

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	C	B	A	C	D	A	D	C

2. Câu hỏi trắc nghiệm Đúng – Sai. (4,0 điểm)

- Đúng 1 ý được 0,1 điểm.
- Đúng 2 ý được 0,25 điểm.
- Đúng 3 ý được 0,5 điểm.
- Đúng 4 ý được 1 điểm.

Câu 1. a-S, b-S, c-Đ, d-Đ	Câu 2. a-s, b-Đ, c-S, d-Đ	Câu 3. a-Đ, b-S, c-Đ, d-Đ	Câu 4. a-S, b-Đ, c-Đ, d-S
-------------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm):

Câu 1. (0,5 điểm)

* Sự khác nhau về mục đích và hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành so với những người đi trước:

Nội dung	Nguyễn Tất Thành	Những người đi trước
Mục đích	- Tìm một con đường cứu nước mới đúng đắn cho dân tộc, trong đó chủ yếu phải là “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.	- Muốn dựa vào các thế lực bên ngoài để giành độc lập cho dân tộc.
Hướng đi	- Hướng sang phương Tây và nước đầu tiên Người chọn là Pháp	- Hướng sang phương Đông (Nhật, Trung Quốc)

* Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối vì:

- Nguyễn Tất Thành không tán thành con đường cứu nước của các vị tiền bối trước.

- Nguyễn Tất Thành tìm con đường đúng đắn đi sâu vào tìm hiểu chính kẻ thù của mình để tìm hiểu được bản chất của kẻ thù đang cai trị mình.

- Nguyễn Tất Thành muốn sang Phương Tây tìm hiểu xem nước Pháp và nước khác làm như thế nào rồi sẽ về giúp đồng bào mình.

Câu 2. (1,0 điểm)

a. Từ năm 1858-1884 triều đình Huế đã kí với thực dân Pháp 4 bản Hiệp ước:

- Hiệp ước Nhâm Tuất kí ngày 5/6/1862
- Hiệp ước Giáp Tuất kí ngày 15/3/1874.
- Hiệp ước Quý Mùi (Hác-măng) kí ngày 25/8/1883
- Hiệp ước Pa-tơ-nôt kí ngày 6/6/1884.

b. Nhận xét:

Việc triều đình Huế liên tiếp kí 4 bản Hiệp ước với thực dân Pháp trong giai đoạn 1858-1884:

- Cho thấy sự hèn hạ nhu nhược và đầu hàng hoàn toàn của triều đình Huế trước quân xâm lược Pháp.
- Các bản hiệp ước đã vi phạm nghiêm trọng về chủ quyền lãnh thổ của đất nước.
- Với việc kí kết các bản hiệp ước với triều đình Huế, thực dân Pháp đã chính thức áp đặt quyền bảo hộ ở nước ta. Việt Nam từ một quốc gia độc lập, có chủ quyền đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Lưu ý:

- HS có thể đưa ra phương án khác, nhưng cần đảm bảo tính chính xác. GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm.

Câu 3. (0,5 điểm)

Đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam:

- Môi trường biển là một thể thống nhất. Vì vậy, khi một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây hiệt hại cho cả vùng bờ biển, vùng nước và các đảo xung quanh.
- Môi trường đảo do có sự biệt lập với đất liền, lại có diện tích nhỏ nên rất nhạy cảm trước tác động của con người, dễ bị suy thoái hơn so với đất liền.

Câu 4. (0,5 điểm)

Để phân chia ranh giới vùng biển của Việt Nam và Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ không thể sử dụng Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982 vì nếu cứ lấy mốc tính từ đường cơ sở kéo rộng ra 200 hải lí thì vùng biển Việt Nam và vùng biển Trung Quốc sẽ trùng lên nhau. Chính vì thế Việt Nam và Trung Quốc đã họp bàn đưa ra Hiệp định phân chia Vịnh Bắc Bộ vào năm 2020.

Câu 5. (0,5 điểm)

Việc khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long là rất cần thiết. Vì biến đổi khí hậu đã và đang có những tác động lớn đến thủy văn Việt Nam, khiến cho lưu lượng nước và chế độ nước sông có sự thay đổi. Con người cần có sự khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng hợp lí nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và sản xuất

HIỆU TRƯỞNG

DUYỆT ĐỀ
TỔ TRƯỞNG

NGƯỜI RA ĐỀ

Nguyễn Thị Quy

Trần Thị Tâm Tình

Đoàn Thị Huế